

NGUYỄN VĂN THUNG

CẨM NANG KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN - HỢP ĐỒNG

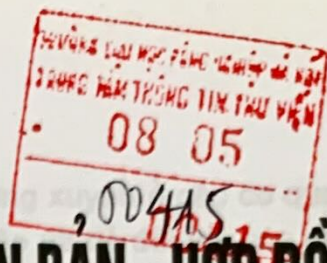
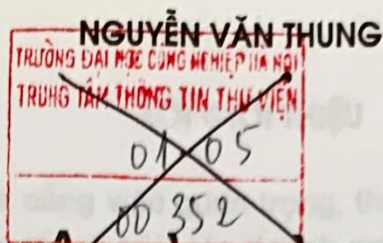
**442 MẪU SOẠN THẢO
VĂN BẢN - HỢP ĐỒNG**

**THƯỜNG DÙNG PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN
PHÒNG KẾ TOÁN, KẾ HOẠCH, VĂN PHÒNG
ĐẢNG ỦY, CÔNG ĐOÀN... TRONG DOANH NGHIỆP
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP, CƠ QUAN ĐẢNG
VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

2011-2012



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



CẨM NANG KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN - HỢP ĐỒNG

**442 MẪU SOẠN THẢO
VĂN BẢN - HỢP ĐỒNG**

**THƯỜNG DÙNG PHỤC VỤ CHUYÊN MÔN
PHÒNG KẾ TOÁN, KẾ HOẠCH, VĂN PHÒNG
ĐẢNG ỦY, CÔNG ĐOÀN... TRONG DOANH NGHIỆP
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP, CƠ QUAN ĐẢNG
VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

2011-2012

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LỜI GIỚI THIỆU

Soạn thảo văn bản là công việc quan trọng, thường xuyên ở các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội, các doanh nghiệp và cả đối với các cá nhân khi cần thiết.

Để giúp bạn đọc là công chức, viên chức, nhân viên, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ phòng kế toán, kế hoạch, văn phòng, đảng ủy, công đoàn... trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ quan đảng và chính quyền địa phương và các cá nhân nắm được thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính, nhanh chóng soạn thảo được các loại văn bản: hành chính, tổ chức, công tác Đảng, công đoàn, kinh doanh, hợp đồng kinh tế, dân sự, lao động, tư pháp, hộ tịch, lao động - thương binh - xã hội, khiếu nại, tố cáo, đất đai, xây dựng, tòa án..., Nhà xuất bản Lao động xin giới thiệu cuốn sách **"Cẩm nang kỹ thuật trình bày văn bản - hợp đồng - 442 mẫu soạn thảo văn bản - hợp đồng thường dùng phục vụ chuyên môn phòng kế toán, kế hoạch, văn phòng, đảng ủy, công đoàn... trong doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, cơ quan đảng và chính quyền địa phương 2011 - 2012"**.

Nội dung cuốn sách gồm 2 phần:

Phần thứ nhất. Quy định mới nhất về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính

Phần thứ hai. Các mẫu văn bản thường dùng

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

NHÀ XUẤT BẢN

Quyết định (cá biệt) (quy định nội bộ) của Thường trực HĐND	57
Văn bản có tên loại của các Ban HĐND	58
Văn bản có tên loại của Đoàn Đại biểu Quốc hội	59
Công điện	60
Giấy mời	70
Giấy giới thiệu	71
Biên bản	72
Giấy biên nhận	73
Giấy chứng nhận	74
Giấy đi đường	75
Giấy nghỉ phép	77
Phiếu chuyển	78
Phiếu gửi	79
Thư công	80
Bản sao văn bản	81

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	3
----------------	---

Phần thứ nhất

QUY ĐỊNH MỚI NHẤT VỀ THỂ THỨC VÀ KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính	23
--	----

Phần thứ hai

CÁC MẪU VĂN BẢN THƯỜNG DÙNG

Mục I. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực hành chính

1. Nghị quyết (cá biệt)	55
2. Nghị quyết (cá biệt) của Thường trực HĐND	56
3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị	57
4. Quyết định (cá biệt) (quy định trực tiếp)	58
5. Quyết định (cá biệt) (quy định gián tiếp)	60
6. Văn bản có tên loại khác	63
7. Công văn	64
8. Quyết định (cá biệt) (quy định trực tiếp) của Thường trực HĐND	66
9. Văn bản có tên loại của các Ban HĐND	67
10. Văn bản có tên loại của Đoàn Đại biểu Quốc hội	68
11. Công điện	69
12. Giấy mời	70
13. Giấy giới thiệu	71
14. Biên bản	72
15. Giấy biên nhận	73
16. Giấy chứng nhận	74
17. Giấy đi đường	75
18. Giấy nghỉ phép	77
19. Phiếu chuyển	78
20. Phiếu gửi	79
21. Thư công	80
22. Bản sao văn bản	81

23.	Mẫu thông báo	82
24.	Mẫu phiếu gửi	82
Mục II. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực tổ chức		
25.	Đơn xin làm việc (học tập)	83
26.	Sơ yếu lý lịch	84
27.	Thỏa thuận thử việc	88
28.	Hợp đồng học việc	90
29.	Hợp đồng làm việc	91
30.	Mẫu hợp đồng lao động (đối với lao động trong trang trại)	95
31.	Hợp đồng làm việc đặc biệt	99
32.	Mẫu hợp đồng đi làm việc tại nước...	103
33.	Mẫu thỏa ước lao động tập thể	107
34.	Đơn xin dự thi nâng ngạch	108
35.	Đơn đăng ký dự tuyển viên chức	109
36.	Đơn đề nghị chuyển công tác	110
37.	Bản nhận xét viên chức	111
38.	Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học	112
39.	Biên bản làm việc	115
40.	Biên bản chứng nhận	117
41.	Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí	119
42.	Đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí (đối với người đã chấp hành xong hình phạt tù hoặc xuất cảnh trở về nước định cư hợp pháp hoặc được tòa án tuyên bố mất tích trở về)	120
43.	Đơn đề nghị hưởng tiếp chế độ hưu trí, BHXH hàng tháng	121
44.	Đơn đề nghị hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần	122
45.	Đơn đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp	123
46.	Mẫu quyết định bổ nhiệm cán bộ	124
47.	Mẫu quyết định chuyển, điều động cán bộ	125
48.	Quyết định nâng lương	126
49.	Quyết định giao đơn giá khoán	127
50.	Mẫu biên bản vi phạm hành chính về pháp luật lao động	128
51.	Mẫu biên bản ghi lời khai	129
52.	Bản tường trình diễn biến sự việc xảy ra (vi phạm kỷ luật lao động)	130

53.	Mẫu biên bản bàn giao tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	131
54.	Thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật lao động	132
55.	Biên bản xử lý vi phạm kỷ luật lao động	133
56.	Quyết định thi hành kỷ luật lao động	135
57.	Quyết định về việc tạm đình chỉ công việc	136
58.	Mẫu quyết định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động	137
Mục III. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực kinh doanh		
Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh		
59.	- Doanh nghiệp tư nhân	138
60.	- Công ty TNHH một thành viên	141
61.	- Công ty TNHH hai thành viên trở lên	146
62.	- Công ty cổ phần	150
63.	- Công ty hợp danh	153
64.	- Hộ kinh doanh	156
Các mẫu Danh sách		
65.	- Danh sách thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	158
66.	- Danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần	159
67.	- Danh sách thành viên công ty hợp danh	159
68.	- Danh sách người đại diện theo ủy quyền	160
69.	- Danh sách các cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh	160
Thông báo của doanh nghiệp, hộ kinh doanh		
70.	- Thông báo lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	161
71.	- Thông báo về việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	164
72.	- Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	166
73.	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	167
74.	- Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật	168
75.	- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	170
76.	- Thông báo thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân	173
77.	- Thông báo thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên	175
78.	- Thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	177
79.	- Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế	178

80.	- Giấy đề nghị hiệu đính thông tin	180
81.	- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp	181
82.	- Thông báo về việc giải thể doanh nghiệp	182
83.	- Thông báo về việc thay đổi nội dung đăng ký của hộ kinh doanh	183
84.	- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh	184
85.	- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	185
86.	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	186
87.	Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	187
88.	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	189
89.	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm	191
90.	Bản cam kết bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đối với nguyên liệu và sản phẩm thực phẩm	192
91.	Đơn đề nghị chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và sơ chế rau an toàn	193
92.	Mẫu bản kê khai điều kiện sản xuất và sơ chế rau an toàn	194
Mục IV. Mẫu trình bày hợp đồng		
93.	Mẫu hợp đồng thế chấp, cầm cố	196
94.	Mẫu hợp đồng cho vay tiền	201
95.	Mẫu hợp đồng thành lập đại lý	203
96.	Mẫu hợp đồng ký gửi hàng hóa	206
97.	Mẫu hợp đồng ủy thác xuất khẩu	208
98.	Mẫu hợp đồng ủy thác nhập khẩu	212
99.	Mẫu hợp đồng kinh tế dịch vụ thủ công (sửa chữa xe, máy...)	216
100.	Mẫu hợp đồng in	220
101.	Mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa	222
102.	Mẫu hợp đồng gia công đặt hàng trong nước	225
103.	Mẫu hợp đồng vận chuyển hàng hóa	228
104.	Mẫu hợp đồng đại lý	234
105.	Mẫu hợp đồng môi giới thương mại	237
106.	Mẫu hợp đồng dịch vụ quảng cáo thương mại	239
107.	Mẫu hợp đồng hợp tác kinh doanh	242
108.	Mẫu hợp đồng liên doanh	246
Mục V. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực tư pháp, hộ tịch		
109.	Mẫu giấy chứng nhận sức khỏe	250

110. Mẫu đơn xin yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp	252
111. Mẫu phiếu lý lịch tư pháp	254
112. Giấy chứng sinh	255
113. Tờ khai đăng ký lại việc sinh	256
114. Tờ khai cấp lại bản chính Giấy khai sinh	257
115. Tờ khai đăng ký kết hôn	258
116. Tờ khai đăng ký lại việc kết hôn	259
117. Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN cư trú ở trong nước)	260
118. Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN đang cư trú ở nước ngoài)	261
119. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN cư trú ở trong nước)	262
120. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN đang cư trú ở nước ngoài)	263
121. Đơn của người thân xin cấp giấy báo tử (có xác nhận của cảnh sát khu vực nơi cư trú)	264
122. Tờ khai đăng ký lại việc tử	265
123. Giấy thoả thuận về việc cho và nhận con nuôi	266
124. Tờ khai đăng ký lại việc nuôi con nuôi	268
125. Giấy cử người giám hộ	270
126. Tờ khai đăng ký chấm dứt việc giám hộ	271
127. Tờ khai đăng ký việc nhận con	273
128. Tờ khai đăng ký việc nhận cha, mẹ (dùng cho trường hợp con đã thành niên nhận cha mẹ)	275
129. Tờ khai đăng ký việc nhận cha, mẹ (dùng cho trường hợp cha/mẹ/người giám hộ nhận mẹ/cha cho con chưa thành niên)	276
130. Đơn đề nghị xác nhận hộ khẩu, địa chỉ thường trú	277
131. Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	278
Mục VI. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực lao động - thương binh - xã hội	
132. Đơn đề nghị giải quyết chế độ	280
133. Đơn đề nghị xác nhận	281
134. Đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn	282
135. Bản khai hưởng trợ cấp thương tật, trợ cấp Bệnh binh hoặc trợ cấp mất sức lao động	283
136. Bản khai của thân nhân người có công với cách mạng Đề nghị hưởng trợ cấp một lần	285

137. Biên bản xác nhận và đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần	287
138. Giấy chứng nhận thân nhân trong gia đình liệt sỹ (để xét trợ cấp tuất và giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ)	289
139. Giấy báo tử	290
140. Bản khai về người có công	291
141. Giấy chứng nhận bị thương	292
142. Biên bản giám định thương tật	293
143. Giấy chứng nhận bệnh tật	294
144. Biên bản xác nhận bệnh tật cũ tái phát và đề nghị giải quyết chế độ bệnh binh	295
145. Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học	296
146. Bản khai cá nhân (Kèm theo Giấy xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học)	297
147. Biên bản xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học	298
148. Bản khai cá nhân (Kèm theo Biên bản xác nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học)	300
149. Bản khai của thân nhân người có công với cách mạng	301
150. Bản khai của thân nhân người có công với cách mạng từ trần	302
151. Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ BHYT	303
152. Công văn đề nghị đối tượng hưởng BHYT	304
153. Bản khai đề nghị hưởng chế độ mai táng phí	305
154. Công văn đề nghị giải quyết chế độ mai táng phí	307
155. Tờ khai nhận trợ cấp phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình (đối với người có công với cách mạng)	308
156. Đơn đề nghị hưởng trợ cấp xã hội	309
157. Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mai táng đối tượng bảo trợ xã hội	310
158. Đơn nhận nuôi trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi	311
159. Biên bản họp hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội	312
160. Quyết định về việc trợ cấp xã hội	313
161. Quyết định về việc điều chỉnh mức hoặc thôi hưởng trợ cấp xã hội	314
162. Quyết định về việc tiếp nhận vào nhà xã hội	315
163. Quyết định về việc chuyển đối tượng về gia đình hoặc nhà xã hội	316
164. Giấy giới thiệu (đối tượng đang được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng ở một địa phương chuyển đi nơi khác)	317
165. Đơn đề nghị và cam kết (đón người sau cai nghiện về thăm gia đình, giải quyết việc riêng gia đình hay về chịu tang)	318

166. Giấy cam kết (không sử dụng ma túy trong thời gian về chịu tang)	319
167. Đơn xin xác nhận bổ sung hồ sơ xin tạm hoãn nghĩa vụ quân sự	320
168. Đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn	321
169. Đơn xin xác nhận để vay vốn ngân hàng	323
170. Mẫu bản cam kết (Chuẩn bị hồ sơ xét, cấp học bổng chính sách)	324
171. Mẫu giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo	325

Mục VII. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực khiếu nại, tố cáo

172. Đơn khiếu nại	326
173. Phiếu trả đơn khiếu nại	327
174. Thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại	328
175. Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại	329
176. Phiếu hướng dẫn	330
177. Hướng dẫn chuyển đơn	331
178. Phiếu chuyển đơn	332
179. Quyết định về việc xác minh nội dung khiếu nại	333
180. Giấy ủy quyền khiếu nại	335
181. Báo cáo Kết quả xác minh nội dung khiếu nại	336
182. Quyết định giải quyết khiếu nại	337
183. Đơn tố cáo	339
184. Quyết định về việc xác minh nội dung tố cáo	340
185. Báo cáo kết quả xác minh nội dung tố cáo	342
186. Thông báo kết quả giải quyết tố cáo	344

Mục VIII. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực đất đai

187. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	345
188. Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	348
189. Đơn đề nghị đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	350
190. Danh sách người sử dụng chung thửa đất, chủ sở hữu chung tài sản gắn liền với đất	351
191. Danh sách các thửa đất nông nghiệp đề nghị cấp cùng một Giấy chứng nhận	352
192. Danh sách nhà ở, công trình xây dựng khác trên cùng một thửa đất	353
193. Phiếu lấy ý kiến về việc chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	354

194. Tờ trình về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
195. Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
196. Đơn xin chuyển từ hình thức thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
197. Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất
198. Tờ khai đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất
199. Đơn xin gia hạn sử dụng đất
200. Đơn xin tách thửa đất, hợp thửa đất
201. Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính
202. Danh sách các thửa đất mới tách kèm theo Thông báo về việc cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính
203. Đơn xin giao đất nông nghiệp (dùng cho hộ gia đình, cá nhân)
204. Đơn xin thuê đất nông nghiệp (dùng cho hộ gia đình, cá nhân)
205. Đơn xin giao đất có rừng (dùng cho cộng đồng dân cư)
206. Đơn xin giao đất để làm nhà ở (dùng cho hộ gia đình, cá nhân)
207. Đơn xin giao đất (dùng cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài)
208. Đơn xin thuê đất (dùng cho tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)
209. Đơn xin giao đất (trong khu công nghệ cao, khu kinh tế)
210. Đơn xin thuê đất (trong khu công nghệ cao, khu kinh tế)
211. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin
212. Hợp đồng cung cấp thông tin đất đai
213. Di chúc
214. Văn bản phân chia tài sản thừa kế
215. Văn bản nhận tài sản thừa kế
216. Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế
217. Mẫu văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng
218. Mẫu văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng
219. Mẫu Giấy thỏa thuận về việc bồi thường đất để lập hồ sơ sử dụng đất
220. Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân
221. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
222. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất
223. Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất
224. Hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư

225. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	433
226. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất	437
227. Hợp đồng tặng cho tài sản gắn liền với đất	440
228. Hợp đồng tặng cho căn hộ nhà chung cư	444
229. Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	448
230. Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất	453
231. Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất	457
232. Hợp đồng thuê căn hộ nhà chung cư	462
233. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất	467
234. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất	472
235. Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất	476
236. Hợp đồng thế chấp căn hộ nhà chung cư	481
Mục IX. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực xây dựng	
237. Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)	486
238. Mẫu giấy phép quy hoạch (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)	487
239. Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)	488
240. Giấy phép quy hoạch (Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)	489
241. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (Sử dụng cho công trình đường dây, đường ống ngầm, hào và cống, bể kỹ thuật)	490
242. Giấy phép xây dựng (Sử dụng cho công trình đường dây, đường ống ngầm, hào và cống, bể kỹ thuật)	491
243. Đơn xin cấp giấy phép xây dựng (Sử dụng cho công trình, nhà ở riêng lẻ ở đô thị)	492
244. Đơn xin cấp giấy phép xây dựng tạm	494
245. Đơn xin cấp giấy phép xây dựng (Sử dụng cho nhà ở nông thôn)	496
246. Đơn xin cấp giấy phép xây dựng cho công trình thuộc dự án...	497
247. Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng	499
248. Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng	501
249. Đơn đề nghị thay đổi nội dung giấy phép xây dựng	502
250. Đơn xin sao lục bản chính	503
251. Đơn xin thay đổi thiết kế	504
252. Giấy phép xây dựng (Sử dụng cho công trình, nhà ở riêng lẻ ở đô thị)	505

253. Giấy phép xây dựng tạm (Sử dụng cho công trình, nhà ở riêng lẻ) 507
254. Giấy phép xây dựng (Sử dụng cho nhà ở nông thôn) 509
255. Giấy phép xây dựng (Sử dụng cho các công trình thuộc dự án) 510
256. Biên bản ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng 512
257. Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị (xã, phường, thị trấn) 514
258. Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị (xã, phường, thị trấn) 518

Mục X. Mẫu trình bày văn bản trong lĩnh vực tòa án

259. Đơn khởi kiện 518
260. Đơn kháng cáo 520
261. Thông báo về phiên hoà giải 522
262. Biên bản hoà giải 524
263. Biên bản hoà giải thành 526
264. Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự 527
265. Biên bản giao nhận chứng cứ 529
266. Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ 530
267. Đơn đề nghị được miễn hoặc giảm phí thi hành án 531
268. Đơn yêu cầu thi hành án dân sự 532
269. Mẫu văn bản thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án 533
270. Mẫu văn bản yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo về kê biên tài sản thi hành án 535
271. Mẫu văn bản yêu cầu gia hạn thông báo về kê biên tài sản thi hành án 537
272. Mẫu văn bản yêu cầu sửa chữa sai sót nội dung thông báo về kê biên tài sản thi hành án 539
273. Mẫu văn bản yêu cầu xoá thông báo về kê biên tài sản thi hành án 541
274. Mẫu văn bản yêu cầu cung cấp thông tin 543
275. Mẫu đơn xin bảo lãnh bị can - bị cáo 544
276. Mẫu đơn xin xóa án 545
277. Mẫu đơn xin hoãn thi hành án phạt tù 547
278. Mẫu đơn xin hoãn phiên tòa 548
279. Mẫu đơn yêu cầu giám định 549

Mục XI. Mẫu trình bày văn bản dành cho Đảng cơ sở

I. MẪU KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN VÀ CÔNG NHẬN ĐẢNG VIÊN CHÍNH THỨC

280. Giấy chứng nhận học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng (Mẫu CN-NTVĐ) 550
281. Đơn xin vào Đảng (Mẫu 1-KNĐ) 551

282. Lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 2-KNĐ)	552
283. Giấy giới thiệu người vào Đảng (Mẫu 3-KNĐ)	553
284. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên ưu tú vào Đảng (Mẫu 4-KNĐ)	554
285. Nghị quyết giới thiệu đoàn viên công đoàn vào Đảng (Mẫu 4A-KNĐ)	555
286. Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú đối với người xin vào Đảng (Mẫu 5-KNĐ)	556
287. Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên (của chi bộ) (Mẫu 6-KNĐ)	557
288. Báo cáo đề nghị kết nạp đảng viên (của đảng uỷ bộ phận) (Mẫu 7-KNĐ)	558
289. Nghị quyết xét, đề nghị kết nạp đảng viên (của đảng uỷ cơ sở) (Mẫu 8-KNĐ)	559
290. Quyết định kết nạp đảng viên (của cấp uỷ có thẩm quyền) (Mẫu 9-KNĐ)	560
291. Quyết định kết nạp lại người vào Đảng (của cấp uỷ có thẩm quyền) (Mẫu 9A-KNĐ)	561
292. Quyết định kết nạp đảng viên (của đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền) (Mẫu 9B-KNĐ)	562
293. Giấy chứng nhận học lớp đảng viên mới (CN-ĐVM)	563
294. Bản tự kiểm điểm đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng viên dự bị) (Mẫu 10-KNĐ)	564
295. Bản nhận xét đảng viên dự bị (của đảng viên được phân công giúp đỡ) (Mẫu 11-KNĐ)	565
296. Tổng hợp ý kiến nhận xét của tổ chức đoàn thể nơi làm việc và chi uỷ nơi cư trú đối với đảng viên dự bị (Mẫu 12-KNĐ)	566
297. Nghị quyết xét, đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của chi bộ) (Mẫu 13-KNĐ)	567
298. Báo cáo đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng uỷ bộ phận) (Mẫu 14-KNĐ)	568
299. Nghị quyết xét, đề nghị công nhận đảng viên chính thức (của đảng uỷ cơ sở) (Mẫu 15-KNĐ)	569
300. Quyết định công nhận đảng viên chính thức (của cấp uỷ có thẩm quyền) (Mẫu 16-KNĐ)	570
301. Quyết định công nhận đảng viên chính thức (của cấp uỷ cơ sở được uỷ quyền) (Mẫu 16A-KNĐ)	571
302. Giấy chứng nhận quần chúng là cảm tình Đảng của cấp uỷ cơ sở (Mẫu 17-KNĐ)	572
303. Công văn giới thiệu cảm tình Đảng đã được chi bộ làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng của cấp uỷ cơ sở (Mẫu 17A-KNĐ)	573
304. Công văn giới thiệu cảm tình Đảng đã được cấp uỷ cơ sở làm thủ tục đề nghị kết nạp Đảng của ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền (Mẫu 17B-KNĐ)	574
305. Công văn giới thiệu cảm tình Đảng đã được cấp uỷ có thẩm quyền ra quyết định kết nạp Đảng, của cấp uỷ có thẩm quyền (Mẫu 17C-KNĐ)	575
306. Sổ đảng viên dự bị (của chi uỷ cơ sở trở lên sử dụng) (Mẫu 18-KNĐ)	576
307. Giấy giới thiệu (của đảng uỷ - chi uỷ cơ sở) cử đảng viên hoặc cấp uỷ viên đi thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 19-KNĐ)	577

308. Phiếu thẩm tra lý lịch của người xin vào Đảng và phiếu xác nhận lý lịch của người xin vào Đảng (Mẫu 20-KNĐ) 578
309. Quyết định xoá tên đảng viên dự bị (của cấp uỷ có thẩm quyền) theo Điều 5, Điều lệ Đảng (Mẫu 21-XTĐV) 579
310. Quyết định xoá tên đảng viên dự bị (của đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền) (Mẫu 21A-XTĐV) 580

II. MẪU PHÁT THẺ ĐẢNG VIÊN

311. Thẻ đảng viên 581
312. Danh sách đề nghị phát thẻ đảng viên (của cấp uỷ cơ sở) và chi bộ (Mẫu 1) 583
313. Danh sách phát thẻ đảng viên (của cấp uỷ huyện và tương đương) (Mẫu 1-TĐV) 584
314. Danh sách đề nghị cấp lại thẻ đảng viên bị mất (của cấp uỷ cơ sở) và chi bộ (Mẫu 1A) 585
315. Danh sách cấp lại thẻ đảng viên bị mất (của cấp uỷ huyện và tương đương) (Mẫu 1A-TĐV) 585
316. Danh sách đề nghị đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng (của cấp uỷ cơ sở) và chi bộ (Mẫu 1B) 586
317. Danh sách đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng (của cấp uỷ huyện và tương đương) (Mẫu 1B-TĐV) 586
318. Quyết định phát thẻ đảng viên (của cấp uỷ có thẩm quyền) (Mẫu 2-TĐV) 587
319. Quyết định phát thẻ cho cá nhân đảng viên (Mẫu 3-TĐV) 588
320. Quyết định cấp lại thẻ đảng viên bị mất cho cá nhân đảng viên (Mẫu 4-TĐV) 589
321. Quyết định đổi lại thẻ đảng viên bị hỏng cho cá nhân đảng viên (Mẫu 4A-TĐV) 590
322. Sổ phát thẻ đảng viên (Mẫu 5-TĐV) 591
323. Sổ giao nhận thẻ đảng viên và danh sách phát thẻ đảng viên (Mẫu 6-TĐV) 593

III. MẪU QUẢN LÝ HỒ SƠ ĐẢNG VIÊN

324. Lý lịch đảng viên (Mẫu 1-HSĐV) 594
325. Phiếu đảng viên (Mẫu 2-HSĐV) 595
326. Phiếu bổ sung hồ sơ đảng viên (Mẫu 3-HSĐV) 598
327. Phiếu báo đảng viên được công nhận chính thức (Mẫu 4-HSĐV) 600
328. Phiếu báo đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 5-HSĐV) 601
329. Phiếu báo đảng viên từ trần (Mẫu 6-HSĐV) 602
330. Sổ danh sách đảng viên (Mẫu 7-HSĐV) 603
331. Sổ đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 8-HSĐV) 605
332. Sổ đảng viên từ trần (Mẫu 9-HSĐV) 605
333. Sổ giao nhận hồ sơ đảng viên (Mẫu 10-HSĐV) 606

334. Sổ cho mượn tài liệu trong hồ sơ đảng viên để nghiên cứu (Mẫu 11-HSĐV) 606
335. Mục lục tài liệu trong hồ sơ đảng viên (Mẫu 12-HSĐV) 607

IV. MẪU GIỚI THIỆU SINH HOẠT ĐẢNG

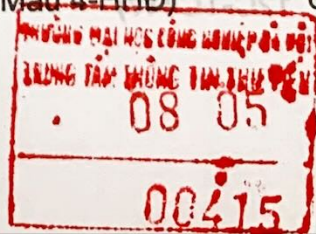
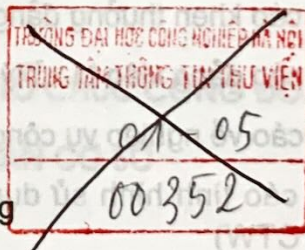
336. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng chính thức (loại 10 ô) (Mẫu 1-SHĐ) 608
337. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời (loại 8 ô) (Mẫu 2-SHĐ) 610
338. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng ra nước ngoài (loại 2 ô) (Mẫu 3-SHĐ) 612
339. Giấy giới thiệu sinh hoạt đảng nội bộ (loại 5 ô) (Mẫu 4-SHĐ) 613
340. Giấy giới thiệu đảng viên về giữ mối liên hệ nơi cư trú (loại 1 ô) (Mẫu 5-SHĐ) 614
341. Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên ở chi bộ trực thuộc cơ sở chia tách hoặc sáp nhập ra ngoài phạm vi đảng bộ cơ sở (Mẫu 6-SHĐ) 615
342. Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên ở tổ chức cơ sở đảng chia tách hoặc sáp nhập (Mẫu 6A-SHĐ) 616
343. Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên ở đảng bộ huyện và tương đương chia tách hoặc sáp nhập (Mẫu 7-SHĐ) 617
344. Công văn chuyển giao tổ chức và đảng viên ở đảng bộ tỉnh và tương đương chia tách hoặc sáp nhập (Mẫu 8-SHĐ) 618
345. Biên bản giao nhận sổ danh sách đảng viên và hồ sơ đảng viên của tổ chức đảng chia tách hoặc sáp nhập (Mẫu 9-SHĐ) 619
346. Sổ giới thiệu sinh hoạt đảng (Mẫu 10-SHĐ) 620
347. Phiếu báo đảng viên chuyển sinh hoạt đảng chính thức (Mẫu 11-SHĐ) 621
348. Công văn giới thiệu đảng viên do yêu cầu phải chuyển sinh hoạt tiếp (Mẫu 12-SHĐ) 622

V. MẪU XÓA TÊN ĐẢNG VIÊN VÀ ĐẢNG VIÊN XIN RA KHỎI ĐẢNG

349. Quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên (theo Điều 8, Điều lệ Đảng) (Mẫu 1-XTĐV) 623
350. Quyết định cho đảng viên ra khỏi Đảng (Mẫu 2-CRKĐ) 624
351. Giấy xác nhận tuổi Đảng (Mẫu 4-XNTĐ) 625

VI. MẪU TẶNG HUY HIỆU ĐẢNG

352. Mẫu Huy hiệu Đảng 80, 70, 60, 50, 40, 30 năm tuổi đảng 626
353. Giấy chứng nhận tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 1-HHĐ) 627
354. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng (chung) (Mẫu 2-HHĐ) 628
355. Quyết định tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên (Mẫu 3-HHĐ) 630
356. Quyết định cấp lại Huy hiệu Đảng bị mất đối với cá nhân đảng viên (Mẫu 3A-HHĐ) 631
357. Quyết định truy tặng Huy hiệu Đảng đối với cá nhân đảng viên (Mẫu 3B-HHĐ) 632
358. Danh sách đảng viên đề nghị tặng Huy hiệu...năm tuổi đảng (Mẫu 4-HHĐ) 633



359. Danh sách đảng viên đề nghị cấp lại Huy hiệu...năm tuổi đảng (Mẫu 4A-HHĐ)
360. Danh sách đảng viên đề nghị truy tặng Huy hiệu...năm tuổi đảng (Mẫu 4B-HHĐ)
361. Sổ tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 5-HHĐ)
362. Tờ khai đề nghị tặng Huy hiệu Đảng (Mẫu 6-HHĐ)

VII. MẪU KHEN THƯỞNG TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ NGHIỆP VỤ

363. Mẫu cờ (Mẫu 1-KT)
364. Bằng khen (Mẫu 2-KT)
365. Giấy khen (Mẫu 3-KT)
366. Sổ theo dõi khen thưởng (Mẫu 4-KT)
367. Quyết định công nhận tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh (Mẫu 5-KT)
368. Quyết định công nhận chi bộ trực thuộc đảng uỷ cơ sở trong sạch, vững mạnh (Mẫu 6-KT)
369. Báo cáo danh sách cán bộ làm nghiệp vụ công tác đảng viên

VIII. MẪU BÁO CÁO ĐẢNG VIÊN VÀ TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

370. Báo cáo tăng, giảm đảng viên (Biểu số 1-TCTW)
371. Báo cáo đảng viên mới kết nạp (Biểu số 2-TCTW)
372. Báo cáo đội ngũ đảng viên (Biểu số 3-TCTW)
373. Báo cáo đảng viên chia theo dân tộc và trong các tôn giáo (Biểu số 4-TCTW)
374. Báo cáo tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong các loại cơ sở (Biểu số 5-TCTW)
375. Báo cáo phân tích đảng viên theo nghề nghiệp và công tác (Biểu số 6-TCTW)
376. Báo cáo đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng (Biểu số 7A-TCTW)
377. Báo cáo đánh giá chất lượng đảng viên (Biểu số 7B-TCTW)
378. Báo cáo khen thưởng đảng viên (Biểu số 8-TCTW)
379. Báo cáo đảng viên bị xử lý kỷ luật và đảng viên ra khỏi Đảng (Biểu số 9-TCTW)
380. Báo cáo về nghiệp vụ công tác đảng viên (Biểu số 10-TCTW)
381. Báo cáo tình hình sử dụng tài liệu, phương tiện quản lý đảng viên (Biểu số 11-TCTW)

IX. MẪU BÁO CÁO CÁN BỘ CHỦ CHỐT VÀ BẦU CỬ CẤP ỦY

382. Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt ở Trung ương (Biểu số 12A-TCTW)
383. Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, thành phố (Biểu số 12B-TCTW)
384. Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp huyện, quận, thị xã (Biểu số 12C-TCTW)

385. Báo cáo một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã, phường, thị trấn (Biểu số 12D-TCTW)	698
386. Báo cáo bầu cử cấp uỷ cơ sở..... (Biểu số 12E-TCTW)	701
387. Báo cáo bầu cử cấp uỷ..... (Biểu số 12G-TCTW)	706
X. MẪU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI ĐẢNG VIÊN	
388. Mẫu báo cáo tháng của Chi bộ cơ sở (01A-BC)	710
389. Mẫu báo cáo tháng của Đảng bộ cơ sở (01B-BC)	712
390. Mẫu báo cáo quý của Chi bộ cơ sở (02A-BC)	714
391. Mẫu báo cáo tháng của Đảng bộ cơ sở (02B-BC)	716
392. Bản tự kiểm điểm đánh giá chất lượng Đảng viên (XL-01)	719
393. Tổng hợp đánh giá chất lượng Đảng viên (XL-02)	721
394. Bản tự đánh giá chất lượng tổ chức Đảng (XL-03)	722
395. Tổng hợp đánh giá chất lượng chi bộ trực thuộc (XL-04)	725
396. Danh sách đề nghị khen thưởng (XL-05)	726
397. Danh sách Đảng viên chưa đánh giá xếp loại Đảng viên (XL-06)	727
398. Tổng hợp ý kiến nhận xét của địa phương nơi cư trú (XL-07)	728
399. Quyết định công nhận xếp loại chất lượng Đảng viên dùng cho Chi bộ cơ sở (XL-08A)	729
400. Quyết định công nhận xếp loại chất lượng Đảng viên dùng cho Đảng bộ cơ sở (XL-08B)	731
401. Quyết định khen thưởng Đảng viên dùng cho Chi bộ cơ sở (XL-09A)	733
402. Quyết định khen thưởng Đảng viên dùng cho Đảng bộ cơ sở (XL-09B)	734
403. Quyết định khen thưởng Chi bộ của Đảng uỷ cơ sở (XL-09C)	735
Mục XI. Mẫu trình bày văn bản dành cho Công đoàn cơ sở	
I. THỂ THỨC VÀ KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN CỦA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN	736
II. MẪU TRÌNH BÀY VĂN BẢN DÀNH CHO CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ	
404. Văn bản xin thành lập Công đoàn cơ sở	751
405. Đơn xin gia nhập công đoàn	752
406. Danh sách lao động gia nhập tổ chức công đoàn	753
407. Danh sách trích ngang Ban chấp hành lâm thời	753
408. Danh sách trích ngang Ủy ban kiểm tra lâm thời	754
409. Quyết định về việc kết nạp Đoàn viên Công đoàn	755
410. Biên bản kiểm phiếu tín nhiệm cán bộ lãnh đạo	756

411. Biên bản kiểm phiếu Bầu đại biểu dự Đại hội CNVC
412. Danh sách Đại biểu dự Đại hội CNVC
413. Phiếu bầu cử
414. Phiếu thăm dò tín nhiệm cán bộ lãnh đạo
415. Nghị quyết Đại hội CNVC
416. Tổng hợp các kiến nghị tại Đại hội CNVC
417. Biên bản Đại hội CNVC
418. Đề cương Báo cáo của Ban chấp hành Đại hội Công đoàn cơ sở
419. Báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu
420. Dự thảo nghị quyết đại hội công đoàn cơ sở
421. Biên bản họp Bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành CĐCS
422. Danh sách lý lịch trích ngang ban chấp hành - ủy ban kiểm tra công đoàn cơ sở
423. Công văn đề nghị chuẩn y bổ sung ủy viên BCH
424. Biên bản kiểm phiếu Bầu cử Ban chấp hành CĐCS
425. Biên bản kiểm phiếu Bầu Ban Thường vụ CĐCS
426. Biên bản kiểm phiếu Bầu Ủy ban kiểm tra, Chủ nhiệm ủy ban kiểm tra CĐCS
427. Biên bản kiểm phiếu Bầu Chủ tịch (Phó Chủ tịch) CĐCS
428. Công văn đề nghị chuẩn y BCH và ủy ban kiểm tra
429. Quy chế làm việc của BCH CĐCS
430. Báo cáo tháng của Công đoàn cơ sở
431. Quy chế phối hợp giữa BCH CĐCS và Giám đốc doanh nghiệp
432. Quyết định về việc thành lập tổ công đoàn
433. Quyết định về việc công nhận Tổ trưởng, Tổ phó Công đoàn
434. Quyết định về việc phân công nhiệm vụ đối với Tổ trưởng Công đoàn
435. Quy chế thu - chi quỹ công đoàn công đoàn cơ sở
436. Báo cáo dự toán thu chi ngân sách công đoàn
437. Báo cáo quyết toán thu - chi ngân sách công đoàn
438. Sổ thu đoàn phí CĐCS
439. Sổ theo dõi thu, chi quỹ CĐCS
440. Sổ thu, chi quỹ Công đoàn cơ sở
441. Giấy đề nghị thanh toán
442. Phiếu thăm hỏi đoàn viên